

Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trí T - Phó Chủ tịch. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trường S – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thị Minh C - Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh V – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà M, sinh năm 1955. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn B, luật sư Công ty luật TNHH T; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ.

2. Bà Đoàn Thị N (vợ ông Hà M), sinh năm 1956. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Hà Thị T, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

4. Bà Hà Thị Minh H, sinh năm 1987; địa chỉ: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

5. Bà Hà Thị P, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh C; địa chỉ: Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

6. Bà Hà Thị Lệ D, sinh năm 1982; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

7. Ông Hà Minh Q, sinh năm 1978. Vắng mặt.

8. Ông Hà Minh H, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

9. Ông Nguyễn Đình L (chồng bà Hà Thị B). Có mặt.

10. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1981. Có mặt.
11. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1983. Có mặt.
12. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình P.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các văn bản có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Hà Thị B trình bày:

Nguồn gốc thửa đất là của cha mẹ bà Hà Thị B và ông Hà M. Năm 1985, bà Hà Thị B có chung hộ khẩu với gia đình là bà Nguyễn Thị T, ông Hà M. Năm 1995, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà M, nhưng gia đình bà và ông Hà M vẫn sinh sống trên thửa đất trên. Ông Hà M thừa nhận đất do cha mẹ để lại, không có di chúc, không được tặng cho ai và chưa có thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Do đó, các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam cho rằng đất do ông Hà M đăng ký và cấp GCNQSDĐ cho ông Hà M không bị ai khiếu nại là tài sản của ông Hà M là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án hủy Quyết định 12865/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Hà Thị B; hủy Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Hà Thị B (lần hai); hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E876092 ngày 30/8/1995 của UBND huyện Đ cấp cho hộ ông Hà M.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam trình bày:

Ngày 04/8/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai của bà Hà Thị B khiếu nại đối với Quyết định số 12865/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Đ. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam đã giao cho Sở Tài nguyên Môi trường thẩm tra, xác minh nội dung đơn của bà Hà Thị B, làm việc với bà Hà Thị B, ông Hà M, UBND thị xã Đ, UBND xã Đ và các đơn vị liên quan; kiểm tra hiện trạng khu đất có đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND ban hành Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Hà Thị B là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E876092 ngày 30/8/1995 của ông Hà M: UBND thị xã Đ đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Hà M theo quy định tại Thông tư 302- TT/ĐKTK ngày 28/10/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất; thành lập Hội đồng xét cấp Giấy CNQSDĐ xã T; họp Hội đồng và xét cấp cho từng hộ, cá nhân kê khai đăng ký trong xã; Hội đồng xét cấp giấy lập hồ sơ xét cấp Giấy đêUBND xã T trình UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ theo đúng trình tự thủ tục. Tại thời điểm thực hiện kê khai đăng ký và cấp GCNQSDĐ theo Nghị định 64/CP bà B có biết và thực hiện kê khai, đăng ký sử dụng đất nông nghiệp nhưng không thực hiện kê khai đăng ký với thửa đất ở trên và không có ý kiến khiếu nại gì về việc ông Hà M kê khai đăng ký.

Việc cấp GCNQSDĐ số BO118941 ngày 05/8/2013 đối với thửa đất số 735/1, tờ bản đồ số 3, diện tích 194,4m² cho ông Hà M: Hiện trạng thực tế đất bà B đang sử dụng có nhà của bà B kích thước 5x20m. Tại hồ sơ đo đạc, xác định ranh giới mốc giới sử dụng đất thửa đất số 735/1 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Đ xác lập có chữ ký thống nhất của vợ chồng bà B và ông M cho thấy diện tích bà B đang quản lý sử dụng là 194,4m². Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận nội dung đơn của bà B yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kích thước 20x30m cho bà. Tuy nhiên, có cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 118941 ngày 05/8/2013 đối với thửa 735/1 tờ bản đồ số 3 đã cấp cho hộ ông Hà M do cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, không phù hợp quy định của pháp luật về đất đai, cần thu hồi để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị B tại thửa đất này là phù hợp với thực tế sử dụng đất và sự thỏa thuận của vợ chồng bà Hà Thị B với ông Hà M.

Do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam trình bày:

Qua xem xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 735, tờ bản đồ số 03 tại xã Đ mà bà B khiếu nại thì thấy nguồn gốc đất là của ông Hà Đức T và bà Nguyễn Thị T (*cha mẹ ông Hà M và bà Hà Thị B*), năm 1978 ông T mất, năm 1987 bà T mất. Ông Hà M và vợ là bà Đoàn Thị N có kê khai đầy đủ theo Chỉ thị 299/TTg và Nghị định 64/CP, các thời điểm kê khai đăng ký bà B sống ở nhà phía sau, không độc lập với nhà ông Hà M, bà B không có ý kiến gì đối với việc kê khai, đăng ký của ông M và bà N, đến khoảng năm 1998-1999 thì bà B mới xây nhà kiên cố trên một phần thửa đất 735, tờ bản đồ số 3 và sinh sống cho đến nay. Trên cơ sở kê khai đăng ký của từng hộ gia đình và cá nhân, ngày 09/3/1995, Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã T (cũ) đã tổ chức họp xét cấp Giấy chứng

nhận và hộ ông Hà M đủ điều kiện được cấp nên đến ngày 10/8/1995 UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hà M gồm 7 thửa, trong đó có thửa thổ cư số 735, tờ bản đồ số 03 và 6 thửa đất lúa. Như vậy, trình tự thủ tục và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hà M là đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 302-TT/ĐKTK ngày 28/10/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất và Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ, nên không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Hà M.

Đối với việc bà B yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B với kích thước 20m x 30m có hiện trạng nhà và cây trồng trên thửa đất 735, tờ bản đồ số 3. Nội dung này đã được UBND tỉnh Quảng Nam giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 06/3/2018, chấp nhận việc lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 735/1, tờ bản đồ số 3, diện tích 194,4m² cho bà Hà Thị B theo hiện trạng bà B đang quản lý, sử dụng, tuy nhiên bà B không thống nhất.

Do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà M, bà Đoàn Thị Nguyên và ông Hà Minh Q, bà Hà Thị T, ông Hà Minh H, bà Hà Thị Minh H, bà Hà Thị Lệ D, bà Hà Thị P cùng trình bày:

Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hà M: Theo xác nhận của UBND xã T T, UBND Đ và gia phả thì nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Hà Đức T và ông Hà V. Sau đó ông Hà T, Hà M và bà Hà Thị B đến ở, trên đất có nhà thờ ông bà và ngôi mộ ông bà nội. Đến năm 1980 ông Hà M kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg, năm 1995 bà Hà Thị N (vợ ông Hà M) đại diện hộ ông Hà M đăng ký kê khai, bà Hà Thị B ở cùng nhà và không có ý kiến gì cả. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Đ cho ông Hà M là đảm bảo đúng trình tự và quy định của pháp luật

Liên quan đến việc cấp 20x30m theo đúng hiện trạng bà đang sử dụng là sai. Hiện trạng bà B sử dụng được cơ quan chức năng xác nhận là 194,4 m², nên bà B yêu cầu cấp diện tích 20x30m là không đúng, và nếu các con của ông Hà M yêu cầu chia thừa kế thì diện tích đất của bà B yêu cầu cấp GCNQSDĐ là không phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Đình L, ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Đình P thống nhất với trình bày của bà Hà Thị B.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2019/HC-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã

quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 18, Điều 21, Điều 31, Điều 40 Luật khiếu nại 2011; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị B về yêu cầu hủy các Quyết định 12865/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Đ và Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam.

Và không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 876092 ngày 30/8/1995 của UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) cấp cho hộ ông Hà M.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo cho đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Hà Thị B kháng cáo. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 202/2019/HCPT ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xử bác kháng cáo của bà Hà Thị B, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Bà B tiếp tục khiếu nại giám đốc thẩm, tại Quyết định giám đốc thẩm số 17/2022/HC-GĐT ngày 26/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2022/KN-HC ngày 06/01/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án Hành chính phúc thẩm số 202/2019/HC-PT ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm ngày 17/11/2022 bà B giữ nguyên kháng cáo, lý do kháng cáo bà B cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà là không đúng quy định của pháp luật, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 12865/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Đ, Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam và Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 876092 ngày 30/8/1995 của UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp cho hộ ông Hà M.

Các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B trình bày luận cứ cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 876092 ngày 30/8/1995 của UBND huyện Đ (*nay là thị xã Đ*) cấp cho hộ ông Hà M và các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam là không đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà B.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà M gửi Bản luận cứ trình bày cho rằng GCNQSDĐ số E876092 do UBND huyện Đ trước đây cấp cho ông Hà M là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà B.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiền hành và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và kết quả tranh tụng. Xem xét kháng cáo của bà Hà Thị B, xét thấy:

[1]. Về nguồn gốc thửa đất thổ cư có tranh chấp: Trước năm 1975, vợ chồng cụ Hà Đức T và cụ Nguyễn Thị T có thừa kế và tạo lập một số đất đai, trong đó có thửa đất số 271 tờ Bản đồ số 01, xã Đ (*nay là số 735, tờ bản đồ số 3*) diện tích 1.430 m², trên đất có nhà ở của vợ chồng cụ T và cụ T, cụ T mất năm 1978, cụ T mất năm 1987, lúc còn sống hai cụ không lập di chúc, không đăng ký, kê khai, không ủy quyền cho ai quản lý thửa đất, cũng như giao cho ông M đăng ký, kê khai đối với thửa đất, nhưng ông Hà M đã tự đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận số E 876092, ngày 30/8/1995 diện tích 1.455 m², tại xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Xem xét sổ hộ khẩu gia đình lập năm 1976 có tên cụ T, cụ T, bà Hà Thị B, ông Hà M và 02 người cháu Đoàn Thị Thanh Hồng, Đoàn Thanh Hoàng, theo trình bày của ông M và bà B thì cụ T, cụ T có 04 người con, bà Hà Thị B, ông Hà M, bà Hà Thị C và một người (*Chưa rõ*). Ngày 10/6/1995 bà B tách hộ, ngày 30/8/1995 ông M tách hộ. Như vậy, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông M thì trong gia đình có 06 thành viên cụ thể là cụ T, cụ T, bà B, ông M, chị Thanh Hồng và anh Thanh Hoàng, năm 1998 bà B đã xây dựng nhà ở với diện tích 194,4 m² trong thửa đất số 735 nói trên. Năm 2013, giữa bà Hà Thị B với ông Hà M có lập hồ sơ tách thửa diện tích 194,4 m², từ thửa 735 tờ bản đồ số 3 cho bà B, sau đó UBND thị xã Đ cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số BO 118941 cho ông M, nhưng do cấp không đúng đối tượng sử dụng đất nên UBND thị xã Đ đã thu hồi Giấy chứng nhận.

Với các tình tiết nêu trên, có cơ sở xác định thửa đất ở số 735 là di sản thừa kế của cụ T, cụ T, ông Hà M tự đứng tên đăng ký, kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang lưu trữ không có ý kiến hoặc thỏa thuận gì của cụ T, cụ T cũng như các thành viên khác trong hộ gia đình là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các thành viên khác có tên trong hộ gia đình vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND huyện Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E876092 ngày 30/8/1995 cho hộ ông Hà M là chưa đúng nội dung pháp luật được quy định tại các Điều 116,117,118 Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 2 Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hộ gia đình và Điều 3 Luật đất đai năm 1993. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E876092 ngày 30/8/1995 do UBND huyện Đ cấp cho hộ ông Hà M .

[2]. Xem xét các quyết định giải quyết khiếu nại: Như đã phân tích nêu trên, tại Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Đ và Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và lần 2 đối với bà Hà Thị B đều không chấp nhận khiếu nại của bà B là không đúng nội dung pháp luật, nguồn gốc thửa đất được số 271 tờ Bản đồ số 01, xã Đ (*nay là số 735, tờ bản đồ số 3*) diện tích 1.430 m², quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của vợ chồng cụ T và cụ T chưa chia, nội dung giải quyết khiếu nại chưa đúng căn cứ pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2019/HC-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B là không đúng quy định của pháp luật.

Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị B, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E876092 do UBND huyện Đ cấp ngày 30/8/1995 cho hộ ông Hà M. Đồng thời, huỷ các quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2 của Chủ tịch UBND thị xã Đ và của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam đã bác khiếu nại đối với bà Hà Thị B.

Đối với nội dung chia thừa kế, yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 20m x 30m của bà B không nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện và chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm

không xem xét. Trường hợp không thoả thuận, có sự tranh chấp thì giải quyết bằng một quan hệ dân sự khác.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do sửa Quyết định của Bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử sửa lại án phí sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241; Điều 242 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị B, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2019/HCST ngày 13/6/2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

1. Áp dụng: Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 212, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 99, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 31, Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011;

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E876092 ngày 30/8/1995 của UBND huyện Đ (*nay là UBND thị xã Đ*) cấp cho ông Hà M.

- Huỷ các Quyết định số 12865/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Đ và Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2 đối với bà Hà Thị B.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 32, 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về án phí sơ thẩm: Chủ tịch UBND thị xã Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà Hà Thị B không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi

